

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-37

01
C
H
IG
A
VI

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-37

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09 tháng 02 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/01/2023
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/01/2023
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/01/2023
Bà Nguyễn Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 070423.004/BCTC.KT2 ngày 07 tháng 4 năm 2023 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty, kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty, cụ thể như sau:

1. Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nếu Công ty thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao theo quy định thì trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2023, chỉ tiêu Tài sản cố định hữu hình sẽ giảm đi số tiền lần lượt là 4,85 tỷ đồng và 4,97 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và năm 2023 của Công ty, chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên số tiền lần lượt là 0,22 tỷ đồng và 0,12 tỷ đồng, chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi số tiền lần lượt tương ứng.

2. Công ty chưa phân loại khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 01 tháng 01 năm 2023. Nếu Công ty phân loại đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2023, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền là 11,69 tỷ đồng và chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của công ty đại chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 34 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Công ty phải đưa cổ phiếu vào niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2020-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		367.205.836.094	352.572.329.479
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	48.016.038.389	36.316.770.401
111	1. Tiền		48.016.038.389	36.316.770.401
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		228.027.089.453	202.787.302.095
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	161.541.349.272	124.338.481.849
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	46.106.904.421	47.117.385.701
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	22.564.403.767	31.331.434.545
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.185.568.007)	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	75.438.826.260	96.332.755.240
141	1. Hàng tồn kho		75.438.826.260	96.332.755.240
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.723.881.992	17.135.501.743
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		15.723.881.983	17.135.501.743
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	9	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		307.850.451.416	328.313.097.995
220	II. Tài sản cố định		290.569.452.131	310.856.133.723
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	277.507.615.079	296.492.583.615
222	- Nguyên giá		562.547.383.576	556.420.611.782
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(285.039.768.497)	(259.928.028.167)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	13.003.027.530	14.293.883.442
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	19.362.838.916
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.359.811.386)	(5.068.955.474)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	58.809.522	69.666.666
228	- Nguyên giá		317.650.000	317.650.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(258.840.478)	(247.983.334)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		16.030.461.197	14.903.842.565
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	16.030.461.197	14.903.842.565
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.250.538.088	2.553.121.707
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.250.538.088	2.553.121.707
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		675.056.287.510	680.885.427.474

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		449.067.024.135	457.602.443.400
310	I. Nợ ngắn hạn		346.574.360.821	331.207.020.533
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	121.181.356.033	120.910.198.048
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	610.983.340	2.811.019.153
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.725.825.128	5.530.484.736
314	4. Phải trả người lao động		15.920.846.842	10.059.067.906
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	18.341.921.818	20.418.780.390
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	10.023.156.311	13.343.734.337
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	172.691.445.415	156.200.336.732
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.078.825.934	1.933.399.231
330	II. Nợ dài hạn		102.492.663.314	126.395.422.867
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	102.492.663.314	126.395.422.867
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		225.989.263.375	223.282.984.074
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	225.989.263.375	223.282.984.074
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	122.295.340.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.295.340.000	122.295.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	25.863.334.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.780.113.253	60.101.936.123
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.602.329.204	11.574.227.033
421b	LNST chưa phân phối năm nay		13.602.329.204	11.574.227.033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		675.056.287.510	680.885.427.474

Nguyễn Thùy Linh
Người lậpKhúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	787.060.591.533	795.779.873.663
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	807.499.857	1.058.802.762
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		786.253.091.676	794.721.070.901
11	4. Giá vốn hàng bán	24	660.843.421.687	677.745.799.729
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		125.409.669.989	116.975.271.172
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	235.783.648	239.767.902
22	7. Chi phí tài chính	26	20.190.385.891	18.033.378.280
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		19.292.646.277	17.186.166.727
25	8. Chi phí bán hàng	27	53.933.924.878	55.756.199.850
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	34.198.517.125	28.879.418.604
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.322.625.743	14.546.042.340
31	11. Thu nhập khác	29	185.798.816	417.684.618
32	12. Chi phí khác	30	335.732.656	398.281.642
40	13. Lợi nhuận khác		(149.933.840)	19.402.976
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.172.691.903	14.565.445.316
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.570.362.699	2.941.218.283
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.602.329.204	11.624.227.033
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.112	860

Nguyễn Thùy Linh
Người lậpKhúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		759.137.362.645	794.446.876.536
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(627.606.203.231)	(701.866.848.271)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(56.013.403.321)	(53.913.161.489)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(17.368.653.100)	(16.106.726.059)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.526.739.507)	(2.508.970.772)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.417.597.105	7.003.020.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.023.857.721)	(31.180.973.367)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.016.102.870	(4.126.783.422)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.253.390.426)	(5.047.720.219)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.852.538	31.760.558
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.213.537.888)	(5.015.959.661)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		362.049.612.489	387.058.935.499
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(368.323.380.574)	(371.251.162.909)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.141.350.479)	(5.231.283.430)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.721.569.104)	(8.899.365.166)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.136.687.668)	1.677.123.994
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.665.877.314	(7.465.619.089)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.316.770.401	43.596.054.520
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		33.390.674	186.334.970
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	48.016.038.389	36.316.770.401



Nguyễn Thùy Linh
Người lập



Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09 tháng 02 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.295.340.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 122.295.340.000 đồng; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 385 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 424 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I	Hung Yên	Sản xuất thực phẩm
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II	Nghệ An	Sản xuất thực phẩm

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 07 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.27 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	6.875.833.031	6.831.974.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.140.205.358	29.484.795.908
	<u>48.016.038.389</u>	<u>36.316.770.401</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>88.879.014.862</i>	-	<i>46.576.173.278</i>	-
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	738.557.552	-	541.886.538	-
Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần	16.359.219.259	-	4.749.216.291	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	64.924.500.094	-	38.221.921.894	-
Công ty Cổ phần Bía Rượu Nước giải khát Viger	6.856.737.957	-	3.063.148.555	-
<i>Bên khác</i>	<i>72.662.334.410</i>	<i>(2.185.568.007)</i>	<i>77.762.308.571</i>	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	8.395.393.364	-	9.327.198.448	-
Đại lý Hoàng Thị Hiền	4.026.994.468	-	4.519.453.903	-
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	3.752.071.036	-	4.013.258.246	-
Phải thu khách hàng khác	56.487.875.542	(2.185.568.007)	59.902.397.974	-
	<u>161.541.349.272</u>	<u>(2.185.568.007)</u>	<u>124.338.481.849</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	42.475.089.612	-	39.807.894.391	-
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	21.294.003.760	-	28.801.469.481	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần	19.181.085.852	-	9.006.424.910	-
Bên khác	3.631.814.809	-	7.309.491.310	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng	-	-	3.000.000.000	-
Đối tượng khác	3.631.814.809	-	4.309.491.310	-
	46.106.904.421	-	47.117.385.701	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	22.416.528.274	-	27.705.258.715	-
Ký cược, ký quỹ	133.335.000	-	3.217.876.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	-	398.014.375	-
Phải thu khác	14.540.493	-	10.285.455	-
	22.564.403.767	-	31.331.434.545	-
Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	12.396.012.508	-	15.144.612.508	-
Bà Nguyễn Hồng Phương	6.825.262.508	-	8.073.862.508	-
Bà Nguyễn Hồng Anh	5.570.750.000	-	7.070.750.000	-
Bên khác	10.168.391.259	-	16.186.822.037	-
Ông Ngô Văn Phương	4.812.744.000	-	6.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Phương	4.300.500.000	-	6.074.630.973	-
Đối tượng khác	1.055.147.259	-	4.112.191.064	-
	22.564.403.767	-	31.331.434.545	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán/chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Nhà phân phối Hoàng Mai	502.826.814	100.565.363	-	-
- Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Trường Thịnh	407.030.760	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Minh Phát	449.838.090	-	-	-
- Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp Anh Đạt	499.664.440	-	-	-
- Các khoản khác	426.773.266	-	-	-
	2.286.133.370	100.565.363	-	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	56.586.670.519	-	65.355.399.550	-
Công cụ, dụng cụ	2.723.140.369	-	2.978.090.414	-
Thành phẩm	15.398.162.514	-	26.231.830.722	-
Hàng hoá	730.852.858	-	1.767.434.554	-
	75.438.826.260	-	96.332.755.240	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi ⁽¹⁾	216.924.727	216.924.727
- Công trình dự án Nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai ⁽²⁾	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án đầu tư dây chuyền bánh Bakery	1.289.735.669	163.117.037
	16.030.461.197	14.903.842.565

(1) Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi:

Trong năm 2018, Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 248/HĐHTĐT ngày 10 tháng 5 năm 2018 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam ("Picensa") liên quan đến việc triển khai dự án "Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng" trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m² tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty trao quyền cho Picensa toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Picensa tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Picensa được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chỉ nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ đồng. Chi phí ghi nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế. Trong năm 2022, Công ty thực hiện bù trừ khoản vay của Picensa và chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác với đối tác cũ (Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển nhà số 7 Hà Nội) số tiền 17 tỷ đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án vẫn đang trong quá trình tiếp tục thực hiện gia hạn chủ trương đầu tư và làm các thủ tục để gia hạn thời gian sử dụng đất đối với lô đất này.

(2) Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai

Chi phí tập hợp liên quan đến dự án này bao gồm chi phí xây dựng 12,34 tỷ đồng và các chi phí tư vấn thiết kế. Hiện nay dự án đang tạm dừng triển khai và dự kiến tiếp tục triển khai sau khi thực hiện dự án nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	218.022.363.373	318.045.799.642	19.128.218.413	1.224.230.354	556.420.611.782
- Mua trong năm	-	5.876.771.794	250.000.000	-	6.126.771.794
Số dư cuối năm	218.022.363.373	323.922.571.436	19.378.218.413	1.224.230.354	562.547.383.576
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	79.987.674.567	167.537.221.985	11.193.301.261	1.209.830.354	259.928.028.167
- Khấu hao trong năm	7.872.679.082	15.889.648.539	1.342.212.709	7.200.000	25.111.740.330
Số dư cuối năm	87.860.353.649	183.426.870.524	12.535.513.970	1.217.030.354	285.039.768.497
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	138.034.688.806	150.508.577.657	7.934.917.152	14.400.000	296.492.583.615
Tại ngày cuối năm	130.162.009.724	140.495.700.912	6.842.704.443	7.200.000	277.507.615.079

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 84.684.293.124 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.094.003.614 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại Nhà máy Hải Châu I ở Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 19.362.838.916 đồng và 6.359.811.386 đồng. Khấu hao trong năm 2023 là 1.290.855.928 đồng.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 317.650.000 đồng và 258.840.478 đồng. Khấu hao trong năm 2023 là 10.857.144 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn, cải tạo tài sản cố định	-	59.298.062
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.250.538.088	2.171.206.897
Chi phí phân bổ Dự án Vĩnh Long	-	322.616.748
	1.250.538.088	2.553.121.707

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>	39.105.947.883	39.105.947.883	42.580.190.909	42.580.190.909
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	32.980.972.635	32.980.972.635	38.683.917.568	38.683.917.568
Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần	5.059.472.650	5.059.472.650	3.034.564.632	3.034.564.632
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Viger	1.065.502.598	1.065.502.598	861.708.709	861.708.709
<i>Bên khác</i>	82.075.408.150	82.075.408.150	78.330.007.139	78.330.007.139
Công ty TNHH Văn Chương	5.637.753.304	5.637.753.304	6.968.212.098	6.968.212.098
Công ty TNHH Hồng Dương	11.245.833.776	11.245.833.776	10.231.205.300	10.231.205.300
Công ty TNHH Phát Đại Lợi	11.861.820.000	11.861.820.000	17.661.582.000	17.661.582.000
Phải trả người bán khác	53.330.001.070	53.330.001.070	43.469.007.741	43.469.007.741
	121.181.356.033	121.181.356.033	120.910.198.048	120.910.198.048

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Hà	-	1.286.250.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương	-	577.332.520
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại KĐ Catering	100.000.000	-
- Công ty TNHH Oanh Sơn	64.340.314	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	446.643.026	947.436.633
	610.983.340	2.811.019.153

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.161.378.568	20.236.958.272	18.723.175.128	-	3.675.161.712
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	334.148.260	334.148.260	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.941.218.283	3.570.362.699	4.526.739.507	9	1.984.841.484
Thuế Thu nhập cá nhân	-	427.887.885	270.245.081	632.311.034	-	65.821.932
Thuế Tài nguyên	-	-	843.450	843.450	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	3.269.472.078	3.269.472.078	-	-
Các loại thuế khác	-	-	57.102.397	57.102.397	-	-
	-	5.530.484.736	27.739.132.237	27.543.791.854	9	5.725.825.128

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	5.156.412.066	3.232.418.889
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	11.256.823.785	15.582.398.162
- Chi phí vận chuyển	1.669.417.023	1.395.795.110
- Chi phí phải trả khác	259.268.944	208.168.229
	<u>18.341.921.818</u>	<u>20.418.780.390</u>

Trong đó: Chi phí phải trả đối với các bên liên quan

- Chi phí lãi vay	4.933.608.837	2.972.382.448
	<u>4.933.608.837</u>	<u>2.972.382.448</u>

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	779.514.232	652.442.341
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.187.419.385	125.361.289
- Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần	-	7.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.051.222.694	2.545.930.707
	<u>10.023.156.311</u>	<u>13.343.734.337</u>

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	-	7.000.000.000
	<u>3.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

(*) Khoản tiền còn lại liên quan đến hợp đồng hợp tác của dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi, chi tiết tại Thuyết minh số 9 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	156.200.336.732	156.200.336.732	362.049.612.489	356.132.503.806	162.117.445.415	162.117.445.415
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	107.816.046.909	107.816.046.909	243.529.540.989	245.230.592.189	106.114.995.709	106.114.995.709
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	37.338.319.048	37.338.319.048	90.909.412.590	78.247.731.638	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Long Biên	11.045.970.775	11.045.970.775	27.610.658.910	32.654.179.979	6.002.449.706	6.002.449.706
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	23.906.227.247	13.332.227.247	10.574.000.000	10.574.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	22.562.003.951	12.102.003.951	10.460.000.000	10.460.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-	202.872.817	88.872.817	114.000.000	114.000.000
- Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	-	-	1.141.350.479	1.141.350.479	-	-
	156.200.336.732	156.200.336.732	385.955.839.736	369.464.731.053	172.691.445.415	172.691.445.415

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	49.331.039.100	49.331.039.100	-	12.102.003.951	37.229.035.149	37.229.035.149
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	326.160.555	326.160.555	-	88.872.817	237.287.738	237.287.738
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	21.167.511.336	21.167.511.336	-	-	21.167.511.336	21.167.511.336
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	26.457.012.830	26.457.012.830	-	-	26.457.012.830	26.457.012.830
- Vay cá nhân	27.975.816.261	27.975.816.261	-	-	27.975.816.261	27.975.816.261
- Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	1.137.882.785	1.137.882.785	3.467.694	1.141.350.479	-	-
	126.395.422.867	126.395.422.867	3.467.694	13.332.227.247	113.066.663.314	113.066.663.314
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(23.906.227.247)	(13.332.227.247)	(10.574.000.000)	(10.574.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	126.395.422.867	126.395.422.867			102.492.663.314	102.492.663.314

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	21.167.511.336	21.167.511.336
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	26.457.012.830	26.457.012.830
- Ông Nguyễn Văn Hội	8.447.833.759	8.447.833.759
- Bà Cao Thị Hồng Liên	5.808.078.658	5.808.078.658
- Ông Cao Chiến Thắng	3.830.571.000	3.830.571.000
- Bà Nguyễn Hồng Anh	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ông Bùi Hải Hà	4.889.332.844	4.889.332.844
	75.600.340.427	75.600.340.427

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2023 (VND)	Hình thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/144344/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2023	150.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	106.114.995.709	Tài sản bảo đảm
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng						
	Hợp đồng tín dụng số 159379.23.065.29907.TD ngày 04 tháng 10 năm 2023	120.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm của khách hàng	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 21/08/2024	Theo từng giấy nhận nợ	50.000.000.000	Tài sản bảo đảm
3	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên						
	Hợp đồng tín dụng số 221/BN/2022/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2022	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	Theo từng giấy nhận nợ	6.002.449.706	Tài sản bảo đảm
	Tổng cộng					162.117.445.415	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2023 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2023 (VND)	Hình thức bảo đảm tiền vay
I	Vay dài hạn ngân hàng					37.466.322.887	10.574.000.000	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội					37.229.035.149	10.460.000.000	
1.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/144344/HĐTD ngày 06/10/2017	35.267.000.000	Phát hành LC và thanh toán các chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất bánh quy giòn, bánh quy cứng và bánh quy mềm	120 tháng	Lãi suất thả nổi	5.640.656.600	3.812.000.000	Tài sản bảo đảm
1.2	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	31.588.378.549	6.648.000.000	Tài sản bảo đảm
2	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm					237.287.738	57.000.000	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 810600049030 ngày 17/05/2021	473.000.000	Thanh toán chi phí mua xe oto TOYOTA HILUX	60 tháng	7,5%/năm trong suốt thời hạn cho vay	237.287.738	57.000.000	Tài sản bảo đảm
II	Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần					21.167.511.336	-	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I ngày 24/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 24/12/2018	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	5.386.135.200	-	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 773/2019/HC-SUGAR I ngày 31/12/2019 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2019	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	5.386.135.200	-	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 731/2020/HC-SUGAR I ngày 25/12/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/12/2020	4.488.446.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	4.488.446.000	-	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 10/10/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/10/2021	2.693.067.600	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	2.693.067.600	-	Tín chấp
5	Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 01/2022/HC-SUGAR I ngày 01/8/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/08/2022	3.213.727.336	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	3.213.727.336	-	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2023 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2023 (VND)	Hình thức bảo đảm tiền vay
III	Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần					26.457.012.830	-	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I ngày 31/12/2019	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	6.200.000.000		Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	13.399.360.930	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	13.399.360.930		Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 06/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	4.272.651.900	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Hưng Yên	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	4.272.651.900		Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01A/2022/HC-VVKD ngày 31/03/2022	2.585.000.000	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Nghệ An	24 tháng	8,5%/năm trong suốt thời hạn vay	2.585.000.000		Tín chấp
IV	Các khoản vay cá nhân					27.975.816.261	-	
1	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	27.975.816.261	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	27.975.816.261		Tín chấp

(*) Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	9.088.277.065	220.797.034.106
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.624.227.033	11.624.227.033
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(9.088.277.065)	(9.088.277.065)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư cuối năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	11.574.227.033	223.282.984.074
Số dư đầu năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	11.574.227.033	223.282.984.074
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	13.602.329.204	13.602.329.204
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	678.177.130	(11.574.227.033)	(10.896.049.903)
Số dư cuối năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.780.113.253	13.602.329.204	225.989.263.375

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 415/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	11.574.227.033
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,86	678.177.130
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,61	1.112.422.703
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	84,53	9.783.627.200

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	36,70	44.884.460.000	36,70	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	15,42	18.855.930.000	15,42	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	11,16	13.644.650.000	11,16	13.644.650.000
Ông Cao Chiến Thắng	6,99	8.550.000.000	6,99	8.550.000.000
Ông Bùi Hải Hà	18,17	22.222.220.000	18,17	22.222.220.000
Các cổ đông khác	11,56	14.138.080.000	11,56	14.138.080.000
	100	122.295.340.000	100	122.295.340.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	122.295.340.000	122.295.340.000
- Vốn góp cuối năm	122.295.340.000	122.295.340.000
Cổ tức		
- Cổ tức phải trả đầu năm	125.361.289	267.363.242
- Cổ tức phải trả trong năm	9.783.627.200	8.757.363.213
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	9.783.627.200	8.757.363.213
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(5.721.569.104)	(8.899.365.166)
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	(5.721.569.104)	(8.899.365.166)
- Cổ tức còn phải trả cuối năm	<u>4.187.419.385</u>	<u>125.361.289</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	12.229.534
- Cổ phiếu phổ thông	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	12.229.534
- Cổ phiếu phổ thông	12.229.534	12.229.534
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.780.113.253	60.101.936.123
	60.780.113.253	60.101.936.123

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

<u>Vị trí</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Thời gian thuê</u>
- Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465	Đến năm 2023
- Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794,6	Đến năm 2064
- Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645	Đến năm 2057
- Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50.000	Đến năm 2069

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	15.017,72	134.532,75
- Đồng Euro (EUR)	2.144,68	2.164,72

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	775.791.320.198	789.317.109.070
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.269.271.335	6.462.764.593
	<u>787.060.591.533</u>	<u>795.779.873.663</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>	<u>62.960.120.460</u>	<u>69.169.240.674</u>

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	807.499.857	1.058.802.762
	<u>807.499.857</u>	<u>1.058.802.762</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	660.843.421.687	677.745.799.729
	<u>660.843.421.687</u>	<u>677.745.799.729</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

Tổng giá trị mua vào:	286.100.218.613	197.617.839.294
------------------------------	------------------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	39.852.538	31.760.558
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	162.540.436	21.672.374
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	33.390.674	186.334.970
	235.783.648	239.767.902

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.292.646.277	17.186.166.727
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	897.739.614	847.211.553
	20.190.385.891	18.033.378.280
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	1.961.226.389	-

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	916.502.110	1.651.184.220
Chi phí nhân công	15.403.359.447	11.865.647.161
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.385.032.088	2.120.181.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.796.127.275	10.575.959.070
Chi phí khác bằng tiền	23.432.903.958	29.543.228.115
	53.933.924.878	55.756.199.850

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	618.345.353	1.487.858.809
Chi phí nhân công	19.255.043.713	13.074.020.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.543.878.668	1.717.628.985
Thuế, phí, lệ phí	3.438.313.194	4.549.336.771
Chi phí dự phòng	2.185.568.007	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.440.853.093	2.173.468.959
Chi phí khác bằng tiền	4.716.515.097	5.877.104.321
	34.198.517.125	28.879.418.604

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	10.872.548	1.220.000
Thu nhập khác	174.926.268	416.464.618
	185.798.816	417.684.618

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	76.003.130
Chi phí phân bổ dự án nhà máy tại Vĩnh Long	322.616.748	322.216.747
Chi phí khác	13.115.908	61.765
	335.732.656	398.281.642

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.172.691.903	14.565.445.316
Các khoản điều chỉnh tăng	456.839.464	326.981.069
- Chi phí không hợp lệ	205.861.525	76.003.130
- Chi phí khấu hao tài sản không được trừ	250.977.939	250.977.939
Các khoản điều chỉnh giảm	(33.390.674)	(186.334.970)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(33.390.674)	(186.334.970)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	17.596.140.693	14.706.091.415
Thuế nhà thầu	51.134.560	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	3.570.362.699	2.941.218.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.941.218.283	2.508.970.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.526.739.507)	(2.508.970.772)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.984.841.475	2.941.218.283

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.602.329.204	11.624.227.033
Các khoản điều chỉnh:	-	(1.112.422.703)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(1.112.422.703)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.602.329.204	10.511.804.330
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.229.534	12.229.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.112	860

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 415/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, cụ thể như sau:

	Năm 2022 (Số đã báo cáo)	Năm 2022 (Số trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.624.227.033	11.624.227.033
Các khoản điều chỉnh:	(50.000.000)	(1.112.422.703)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(50.000.000)	(1.112.422.703)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.574.227.033	10.511.804.330
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.229.534	12.229.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	946	860

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	573.757.434.937	426.846.184.052
Chi phí nhân công	75.280.624.603	58.071.472.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.413.453.386	26.740.046.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.541.242.958	24.236.287.115
Chi phí khác bằng tiền	28.149.439.598	40.353.480.495
	<u>738.142.195.482</u>	<u>576.247.470.677</u>

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	41.140.205.358	-	-	41.140.205.358
Phải thu khách hàng, phải thu khác	181.920.185.032	-	-	181.920.185.032
	223.060.390.390	-	-	223.060.390.390
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	29.484.795.908	-	-	29.484.795.908
Phải thu khách hàng, phải thu khác	155.669.916.394	-	-	155.669.916.394
	185.154.712.302	-	-	185.154.712.302

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	172.691.445.415	102.492.663.314	-	275.184.108.729
Phải trả người bán, phải trả khác	131.204.512.344	-	-	131.204.512.344
Chi phí phải trả	18.341.921.818	-	-	18.341.921.818
	322.237.879.577	102.492.663.314	-	424.730.542.891
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	156.200.336.732	126.395.422.867	-	282.595.759.599
Phải trả người bán, phải trả khác	134.253.932.385	-	-	134.253.932.385
Chi phí phải trả	20.418.780.390	-	-	20.418.780.390
	310.873.049.507	126.395.422.867	-	437.268.472.374

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (Picensa)	Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch Hội đồng
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Cao Chiến Thắng	Em vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	62.960.120.460	69.169.240.674
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	178.791.831	235.014.515
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	10.787.199.928	420.392.693
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	25.966.797.566	32.950.933.374
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	26.027.331.135	35.562.900.092
Mua hàng hóa, vật tư	286.100.218.613	197.617.839.294
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	162.518.418.013	36.858.702.622
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	71.385.805.865	102.303.920.235
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	52.195.994.735	58.455.216.437
Lãi vay	1.961.226.389	-
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	1.961.226.389	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	149.900.000	125.505.000
Bà Nguyễn Hồng Anh - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	635.800.000	452.846.146
Bà Trần Thị Lệ Châm - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	482.400.000	84.870.000
Ông Bùi Hải Hà - Phó Tổng Giám đốc	534.400.000	390.305.959
Bà Hà Hồng Thúy - Phó Tổng Giám đốc	478.400.000	383.210.764
Bà Nguyễn Hồng Phương - Phó Tổng Giám đốc	394.400.000	370.242.682
Bà Đỗ Mạnh Cường - Phó Tổng Giám đốc	418.611.342	
Bà Nguyễn Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc	554.015.391	
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyền - Phó Tổng Giám đốc	502.400.000	
Thu nhập của các thành viên Ban Kiểm soát	153.200.000	171.935.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
_____ Nguyễn Thùy Linh Người lập	_____ Khúc Thị Minh Phương Kế toán trưởng	_____ Nguyễn Văn Hội Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024